

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Địa chỉ: Phòng 207, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM

Mã số thuế: 0305482862

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 01 NĂM 2016

Tháng 04 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1,999,678,016,568	2,356,146,542,693
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	458,937,159,626	681,480,815,241
1. Tiền	111		62,790,859,626	67,807,015,241
2. Các khoản tương đương tiền	112		396,146,300,000	613,673,800,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27,060,161,876	27,057,666,300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		33,577,800,271	33,575,304,695
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	129		(6,517,638,395)	(6,517,638,395)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		612,199,779,369	661,268,191,939
1. Phải thu khách hàng	131		587,598,233,242	549,413,271,556
2. Trả trước cho người bán	132		1,636,983,324	16,860,227,591
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		47,989,602,479	119,687,169,162
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(25,025,039,676)	(24,692,476,370)
IV. Hàng tồn kho	140	6	703,937,057,020	783,444,035,724
1. Hàng tồn kho	141		726,360,596,035	805,867,574,739
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22,423,539,015)	(22,423,539,015)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		197,543,858,677	202,895,833,489
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,593,232,332	949,259,604
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		193,041,886,185	200,901,726,561
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		2,908,740,160	1,044,847,324
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		4,829,586,575	4,823,833,723
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,669,109,590	1,401,380,590
1. Phải thu dài hạn khác	213		1,669,109,590	1,401,380,590
II. Tài sản cố định	220		2,814,801,915	3,089,568,970
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	2,647,851,915	2,904,378,363
- Nguyên giá	222		7,539,662,749	7,539,662,749
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,891,810,834)	(4,635,284,386)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	166,950,000	185,190,607
- Nguyên giá	228		1,113,753,105	1,113,753,105
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(946,803,105)	(928,562,498)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1,350,000,000	1,350,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1,350,000,000)	(1,350,000,000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		345,675,070	332,884,163
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		345,675,070	332,884,163
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,004,507,603,143	2,360,970,376,416



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,753,213,725,882	2,128,808,650,308
I. Nợ ngắn hạn	310		1,752,806,707,613	2,128,601,632,039
1. Phải trả người bán	311		348,054,262,085	459,022,161,769
2. Người mua trả tiền trước	312		3,665,813,806	4,731,519,046
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	4,783,037,788	3,792,298,082
4. Phải trả người lao động	314		5,720,790,225	10,060,673,232
5. Chi phí phải trả	315	11	1,455,462,873	5,521,644,444
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	95,502,460,197	103,774,712,523
7. Vay và nợ ngắn hạn	320		1,287,189,233,767	1,534,865,876,071
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6,435,646,872	6,832,746,872
II. Nợ dài hạn	330		407,018,269	207,018,269
1. Phải trả dài hạn khác	333		407,018,269	207,018,269
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		251,293,877,261	232,161,726,108
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	251,293,877,261	232,161,726,108
1. Vốn điều lệ	411		213,265,490,000	213,265,490,000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(375,000,000)	(375,000,000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		38,403,387,261	19,271,236,108
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2,004,507,603,143	2,360,970,376,416

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/03/2016	Tại ngày 01/01/2016
1. Nợ khó đòi đã xử lý	Đồng	17,928,448,762	17,918,448,762
2. Ngoại tệ các loại	USD	51,761	714,698
	EUR	77	81



Phan Hải Âu
 Người lập biểu
 Ngày 20 tháng 04 năm 2016

Lê Thị Chiến
 Kế toán trưởng



Phan Quang Tuấn Anh
 Chủ tịch hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2016	Quý I năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,461,365,040,733	1,239,206,619,990
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		18,512,163,482	6,401,562,826
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,442,852,877,251	1,232,805,057,164
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		1,378,016,827,416	1,167,620,635,676
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		64,836,049,835	65,184,421,488
6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	6,610,589,426	9,249,030,783
7. Chi phí tài chính	15	16,475,108,976	19,452,489,983
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>15,137,072,810</i>	<i>18,484,541,549</i>
8. Chi phí bán hàng		23,442,585,939	22,286,661,607
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7,700,413,090	7,604,433,590
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23,828,531,256	25,089,867,091
11. Thu nhập khác		92,274,917	122,918,873
12. Chi phí khác		5,617,232	456,658
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		86,657,685	122,462,215
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		23,915,188,941	25,212,329,306
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16	4,783,037,788	5,546,712,447
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		19,132,151,153	19,665,616,858
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17	897	1,383



Phan Hải Âu
 Người lập biểu
 Ngày 20 tháng 04 năm 2016



Lê Thị Chiến
 Kế toán trưởng



Phan Quang Tuấn Anh
 Chủ tịch hội đồng quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016	Từ ngày 01/01/2015
		đến 31/03/2016	đến 31/03/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	23,915,188,941	25,212,329,306
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	274,767,055	167,777,426
Các khoản dự phòng	03	332,563,306	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4,656,912,463)	(8,660,323,896)
Chi phí lãi vay	06	15,137,072,810	18,484,541,549
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	35,002,679,649	35,204,324,385
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	52,315,090,830	138,834,075,411
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	79,506,978,704	95,535,978,507
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(71,694,256,946)	(9,351,662,073)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(656,763,635)	(296,592,927)
Tiền lãi vay đã trả	13	(17,690,417,868)	(20,374,622,974)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3,792,298,082)	(4,329,218,548)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	13,500,000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(397,100,000)	(273,230,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	72,593,912,652	234,962,551,781
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1,158,054,545)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2,495,576)	-
3. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	5,761,042,113	11,313,320,956
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5,758,546,537	10,155,266,411
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	865,125,099,119	1,059,181,810,751
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,112,801,741,423)	(1,321,178,228,830)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(53,219,472,500)	(63,824,355,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(300,896,114,804)	(325,820,773,079)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(222,543,655,615)	(80,702,954,887)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	681,480,815,241	830,543,432,177
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	458,937,159,626	749,840,477,290

Phan Hải Âu
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 04 năm 2016

Lê Thị Chiến
Kế toán trưởng



Phan Quang Tuấn Anh
Chủ tịch hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí - được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Nghị quyết số 28/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 6 số 0305482862 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh sửa đổi tiếp theo do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, trang thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy vi tính, thiết bị, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, hàng may mặc; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; bán lẻ hàng lưu niệm; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ logistic; quảng cáo; sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 03 năm 2016
Số năm

Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/03/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	63,663,192	125,089,309
Tiền gửi ngân hàng	62,727,196,434	67,630,578,932
Tiền đang chuyển	-	51,347,000
Các khoản tương đương tiền	396,146,300,000	613,673,800,000
	<u>458,937,159,626</u>	<u>681,480,815,241</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/03/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	39,141,607,260
Hàng hóa	723,656,905,202	764,059,823,277
Hàng gửi đi bán	2,703,690,833	2,666,144,202
	<u>726,360,596,035</u>	<u>805,867,574,739</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22,423,539,015)	(22,423,539,015)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HHTK	<u>703,937,057,020</u>	<u>783,444,035,724</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	3,760,430,794	3,779,231,955	7,539,662,749
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/03/2016	3,760,430,794	3,779,231,955	7,539,662,749
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	2,247,205,258	2,388,079,128	4,635,284,386
Khấu hao trong năm	127,485,537	129,040,911	256,526,448
Thanh lý trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/03/2016	2,374,690,795	2,517,120,039	4,891,810,834
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/03/2016	1,385,739,999	1,262,111,916	2,647,851,915
Tại ngày 01/01/2016	1,513,225,536	1,391,152,827	2,904,378,363

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2016	1,113,753,105
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/03/2016	1,113,753,105
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	928,562,498
Khấu hao trong năm	18,240,607
Tại ngày 31/03/2016	946,803,105
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/03/2016	166,950,000
Tại ngày 01/01/2016	185,190,607

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngân hàng TM Cổ Phần Ngoại thương Việt Nam	468,512,437,492	487,623,321,528
Ngân hàng TM Cổ phần Quân Đội (MB)	399,990,628,834	399,767,416,054
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN7	398,505,090,041	247,272,939,305
Ngân hàng HSBC Việt Nam (HSBC)	20,181,077,400	57,981,805,612
Ngân hàng ANZ Việt Nam (ANZ)	-	342,220,393,572
	1,287,189,233,767	1,534,865,876,071

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/03/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(2.513.309,423)	(775.666,314)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.783.037,788	3.792.298,082
Thuế TN cá nhân	(395.430,737)	(269.181,010)
	<u>1,874,297,628</u>	<u>2,747,450,758</u>
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	2.908.740,160	1.044.847,324
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	4.783.037,788	3.792.298,082

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/03/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả lãi vay	648.222,175	3.201,567,233
Chi phí phải trả khác	807.240,698	2.320,077,211
	<u>1,455,462,873</u>	<u>5,521,644,444</u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/03/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	(80,480,438)	59,185,670
Bảo hiểm xã hội	224,813,155	123,339,225
Cổ tức	646,327,123	53,865,799,623
Phải trả nội bộ	25,000,079,897	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	69,711,720,460	49,726,388,005
	<u>95,502,460,197</u>	<u>103,774,712,523</u>

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	142,227,000,000	33,340,500,000	(375,000,000)	4,977,707,165	39,150,681,441	219,320,888,606
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	67,469,091,840	67,469,091,840
Tăng vốn trong năm	71,038,490,000	(33,340,500,000)	-	(4,977,707,165)	(32,720,282,835)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1,349,381,838)	(1,349,381,838)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(53,278,872,500)	(53,278,872,500)
Số dư tại ngày 01/01/2016	<u>213,265,490,000</u>	<u>-</u>	<u>(375,000,000)</u>	<u>-</u>	<u>19,271,236,108</u>	<u>232,161,726,108</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	19,132,151,153	19,132,151,153
Số dư tại ngày 31/03/2016	<u>213,265,490,000</u>	<u>-</u>	<u>(375,000,000)</u>	<u>-</u>	<u>38,403,387,261</u>	<u>251,293,877,261</u>

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4,656,912,463	8,660,323,896
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,953,676,963	321,996,114
Hoạt động tài chính khác	-	266,710,773
	<u>6,610,589,426</u>	<u>9,249,030,783</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	15,137,072,810	18,484,541,549
Lỗ chênh lệch tỷ giá	155,268,120	734,693,311
Hoạt động tài chính khác	1,182,768,046	233,255,123
	16,475,108,976	19,452,489,983

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	23,915,188,941	25,212,329,306
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: CP không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	23,915,188,941	25,212,329,306
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4,783,037,788	5,546,712,447

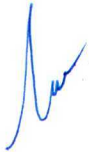
Thuế suất thuế TNDN quý I năm 2015 là 22%, quý I năm 2016 là 20%.

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	19,132,151,153	19,665,616,858
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	21,325,049	14,221,200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	897	1,383

18. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 được Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 20 tháng 04 năm 2016.

Phan Hải Âu
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 04 năm 2016Lê Thị Chiến
Kế toán trưởngPhan Quang Tuấn Anh
Chủ tịch hội đồng quản trị